

Số: ~~445~~/ STNMT - VPĐKĐĐ  
V/v giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri

Điện Biên, ngày 12 tháng 6 năm 2018

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Điện Biên

Thực hiện Văn bản số 1244/UBND - TH ngày 16/05/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri trước kỳ họp thứ 5- Quốc hội khóa XIV.

Đối với nội dung kiến nghị của cử tri xã Phình Giàng, huyện Điện Biên Đông: “Trường PTDT bán trú THCS xã Phình Giàng được đầu tư xây dựng kiên cố từ năm 2011 nhưng đến nay chưa được cấp Giấy chứng nhận”. Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện kiểm tra rà soát nguồn gốc thửa đất do Trường PTDT bán trú THCS xã Phình Giàng hiện đang sử dụng. Kết quả kiểm tra như sau:

Thửa đất trên được sử dụng từ năm 2008, nhưng Trường PTDT bán trú THCS xã Phình Giàng chưa thực hiện thủ tục giao đất theo quy định tại Điều 126 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Năm 2012, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Công văn số 359/STNMT- VPĐKĐĐ ngày 17/10/2012 về việc triển khai lập hồ sơ địa chính phục vụ việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận đối với các thửa đất xây dựng trường và diêm trường tại địa bàn huyện Điện Biên Đông. Tuy nhiên Trường PTDT bán trú THCS xã Phình không thực hiện công tác lập báo cáo rà soát hiện trạng sử dụng đất và kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận theo hướng dẫn. Vì vậy Sở Tài nguyên và Môi trường không có hồ sơ để kiểm tra và thẩm định cấp Giấy chứng nhận cho Trường PTDT bán trú THCS xã Phình Giàng theo quy định.

Để giải quyết kiến nghị của cử tri, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số ~~446~~/STNMT- VPĐKĐĐ ngày 13/6/2018 về việc hướng dẫn lập báo cáo rà soát hiện trạng sử dụng đất và kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi trường Trường PTDT bán trú THCS xã Phình Giàng.

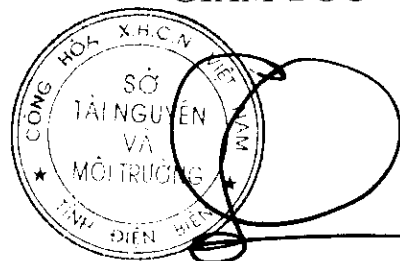
(Có Văn bản kèm theo)

Trên đây là báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường Điện Biên về giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri đối với nội dung cấp Giấy chứng nhận cho Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS xã Phình Giàng để Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên; ✓
- Lưu: VT, VPĐKĐĐ.

**GIÁM ĐỐC**



**Bùi Châu Tuấn**

Số: 359./STNMT - VPĐKQSDĐ

Điện Biên, ngày 17 tháng 10 năm 2012

"V/v triển khai lập hồ sơ địa chính phục vụ việc giao đất và cấp GCNQSDĐ đối với các thửa đất xây dựng trường và điểm trường tại địa bàn huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên"

Kính gửi: - UBND huyện Điện Biên Đông;  
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên Đông;  
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Điện Biên Đông.

Thực hiện Chỉ thị số 03/2009/CT-UBND ngày 23/1/2009 của UBND tỉnh Điện Biên về việc đẩy mạnh thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính theo Nghị quyết số 07/2007/QH của Quốc hội và tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 130/STNMT-VPĐKQSDĐ ngày 23/4/2012 về việc đề nghị các Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã và thành phố cung cấp thông tin các thửa đất xây dựng trường và điểm trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp số liệu các thửa đất xây dựng trường và điểm trường trên địa bàn huyện Điện Biên Đông đã xây dựng nhà kiên cố nhưng không có trong hồ sơ, tài liệu về đất đai và chưa có Quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền đối với diện tích của trường, điểm trường hiện đang sử dụng theo quy định của Luật Đất đai.

*(Kèm theo biểu tổng hợp danh sách các trường, điểm trường)*

Để đảm bảo tiến độ thực hiện hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính theo kế hoạch đã được giao. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Giáo dục - đào tạo huyện Điện Biên Đông triển khai một số công việc sau:

1. Phòng Giáo dục - Đào tạo chỉ đạo các trường nộp về Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Điện Biên Đông trước ngày 10/11/2012 những giấy tờ sau:

- Đơn đề nghị giao đất *(Theo mẫu số 03/ĐĐ gửi kèm;)*
- Quyết định thành lập trường *(Bản phô tô công chứng);*

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Điện Biên Đông chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc thực hiện những công việc sau:

- Phối hợp với Cán bộ địa chính xã và các trường, điểm trường đang sử dụng đất thực hiện việc lập Bản đồ mô tả ranh giới, mốc giới và kết quả trích đo địa chính

đối với từng thửa đất đang sử dụng của các trường, điểm trường (Có mẫu biểu kèm theo); thời gian thực hiện xong trước ngày 25/11/2012.

- Tiếp nhận các văn bản nêu tại mục 1 văn bản này của các trường học và gửi kèm theo kết quả đo đạc (Bản mô tả ranh giới, mốc giới và kết quả trích đo địa chính đối với từng thửa đất).

- Lập tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân huyện có văn bản trình UBND tỉnh giao đất và công nhận Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất của các trường, điểm trường.

### 3. Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên Đông:


Lập tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất và công nhận Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất của các trường, điểm trường.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Điện Biên Đông sau khi nhận đủ các hồ sơ tài liệu nêu trên, gửi về Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 01/12/2012.

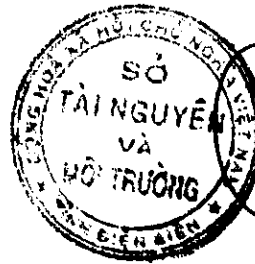
Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tổng hợp đề trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND tỉnh Quyết định giao đất và công nhận quyền sử dụng đất cho các trường, làm căn cứ pháp lý để thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các đơn vị theo quy định của pháp luật về đất đai hiện hành.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Điện Biên Đông tổ chức triển khai thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng QLDD;
- Văn phòng ĐKQSDĐ;
- Văn phòng ĐKQSDĐ huyện Điện Biên Đông;
- Lưu VT. 

GIÁM ĐỐC



Bùi Châu Tuấn

**ĐƠN XIN GIAO ĐẤT**  
(Dùng cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo,  
người Việt Nam định cư ở nước ngoài)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).....

1. Người xin giao đất (viết chữ in hoa)\*: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Địa chỉ liên hệ: ..... Điện thoại: .....
4. Địa điểm khu đất xin giao: .....
5. Diện tích xin giao (m<sup>2</sup>): .....
6. Đề sử dụng vào mục đích: .....
7. Thời hạn sử dụng (năm): .....
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;  
Các cam kết khác (nếu có).....

..., ngày ... tháng ... năm ...  
Người xin giao đất  
(Ký, ghi rõ họ tên, nếu tổ chức thì phải đóng dấu)

\* Đối với tổ chức phải ghi rõ tên tổ chức, ngày thành lập, số và ngày, cơ quan ký quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư; đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì ghi họ và tên, quốc tịch, số và ngày, nơi cấp hộ chiếu.

## KẾT QUẢ ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH THỬA ĐẤT

Thửa đất số .....; Tờ bản đồ địa chính số.....

Địa chỉ thửa đất.....

Diện Tích: .....; m<sup>2</sup> Mục đích sử dụng đất.....

Tên người sử dụng đất.....

Địa chỉ thường trú.....

Hình thức sử dụng Chung  riêng

Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

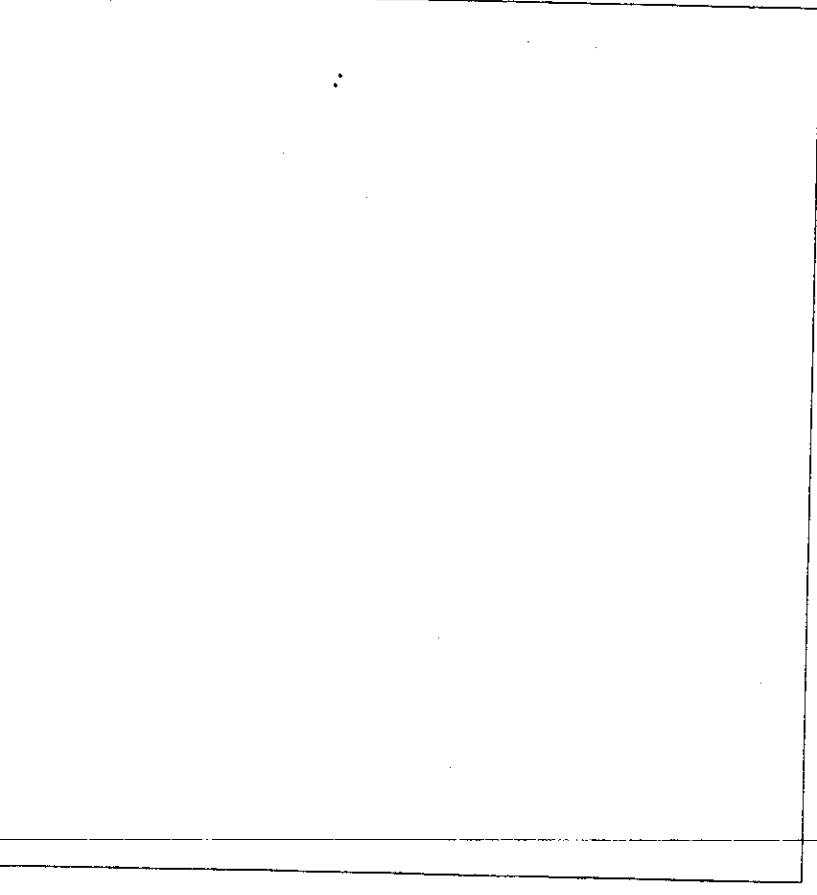
Loại giấy tờ hiện có..... Diện tích trên giấy tờ..... m<sup>2</sup>

Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ

Tình hình tranh chấp sử dụng đất:

Sơ đồ thửa đất:

### 5.2. Chiều dài cạnh thửa:



Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	
2-3	
3-4	
4-5	
5-6	
6-7	
7-8	
8-9	
9-10	
10-11	
11-1	

.....ngày..... tháng ..... năm 20

Chủ sử dụng đất  
( Ký, ghi rõ họ tên )

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

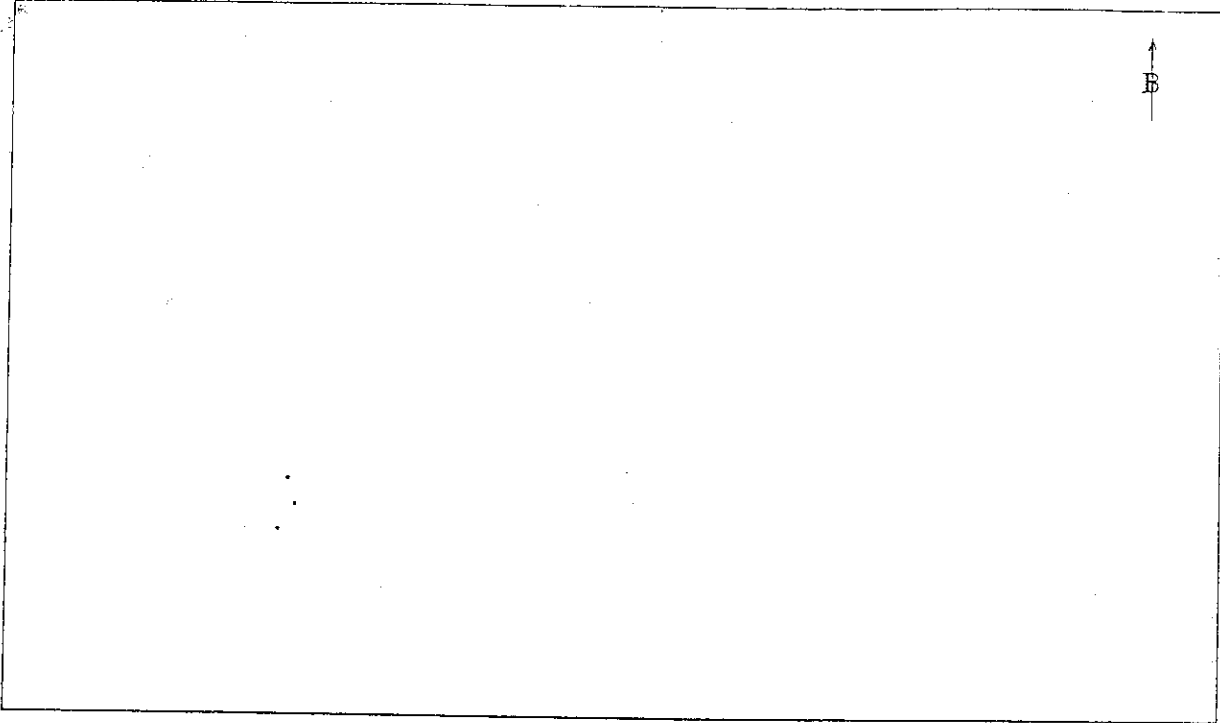
BẢN MÔ TẢ  
RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỪA ĐẤT  
( theo hiện trạng sử dụng )

Ngày tháng năm đơn vị đo đạc đã tiến hành xác định ranh giới, mốc giới thừa đất tại thực địa của (ông, bà, đơn vị): .....

Đang sử dụng đất tại : .....

Sau khi xem xét hiện trạng về sử dụng đất và ý kiến của các chủ sử dụng đất liên kê, đơn vị đo đạc đã tiến hành lập bản mô tả ranh giới, mốc giới sử dụng đất như sau:

SƠ HOẠ RANH GIỚI, MỐC GIỚI THỪA ĐẤT



Phân mô tả chi tiết ranh giới sử dụng đất (nếu cần):  
.....  
.....  
.....

Các chủ sử dụng đất (hoặc đại diện) liên kê ký xác nhận đã nhận bản mô tả này:

Tên chủ sử dụng đất	Ngày nhận	Ký tên	STT	Tên chủ sử dụng đất	Ngày nhận	Ký tên
			6			
			7			
			8			
			9			
			10			

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày chủ sử dụng đất liên kê nhận bản mô tả này nếu không có đơn  
chấp về ranh giới thừa đất như mô tả trên, thì ranh giới sử dụng đất được xác định theo bản mô tả này

Chủ sử dụng đất  
( Ký, ghi rõ họ tên )

Cán bộ đo đạc  
( Ký, ghi rõ họ tên )

Trưởng Thôn (Xóm)  
( Ký, ghi rõ họ tên )

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG VÀ ĐIỂM TRƯỜNG**  
**ĐÃ ĐƯỢC XÂY DỰNG KIẾN CỐ NHƯNG CHƯA CÓ HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH TẠI ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG**  
*(Kèm theo công văn số 259/STNMT-VPĐKQSDĐ ngày 17 tháng 10 năm 2012)*

Số thứ tự đơn vị hành chính và thửa đất	STT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Năm sử dụng thửa đất	Năm xây dựng kiên cố	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I. XÃ PHI NHÙ</b>							
	1	<b>MN Suối Lư</b>					
1	1.1	Trường chính	Suối Lư xã Phi Nhù	2000	2000	1.029,6	
2	1.2	Suối Lư	Bản Suối Lư xã Phi Nhù	2000	2000	263,1	
	2	<b>TH Phi Nhù</b>					
3	2.1	Pó Sinh	Bản Pó Sinh xã Phi Nhù	1998	2010	600,0	
4	2.2	Từ Xa	Bản Từ Xa xã Phi Nhù	1998	2007	822,0	
<b>II. XÃ PU NHÌ</b>							
	3	<b>MN Háng Trọ</b>					
5	3.1	Nậm Ngám A	Bản Nậm Ngám A xã Pu Nhì	2010	2010	458,0	
6	3.2	Nậm Ngám C	Bản Nậm Ngám C xã Pu nhì	2010	2010	458,0	
7	3.3	Nậm Bó	Bản Nậm Bó xã Pu Nhì	2010	2010	400,0	
	4	<b>THCS Pu Nhì</b>					
8	4.1	Trường chính	Bản Nậm Ngám xã Pu Nhì	2009	2009	10.060,0	
<b>III. XÃ HÁNG LÌA</b>							
	5	<b>MN Hoa Ban</b>					
9	5.1	Huổi Tống B	Bản Huổi Tống xã Háng Lìa	2010	2010	225,0	
10	5.2	Trống Đình	Bản Trống Đình xã Háng Lìa	2010	2010	127,5	
	6	<b>TH Tân Lập</b>					
11	6.1	Trường chính	Bản Háng Lìa A xã Háng Lìa	1996	2011	2.500,0	
12	6.2	Trống Đình	Bản Trống Đình xã Háng Lìa	1996	2009	450,0	
<b>IV. XÃ LUÂN GIỚI</b>							
	7	<b>MN Luân Giới</b>					
13	7.1	Na Ân	Bản Na Ân xã Luân Giới	2006	2006	100,0	
14	7.2	Bản Lại	Bản Lại xã Luân Giới	2006	2010	140,0	
15	7.3	Na Ngua	Bản Na Ngua xã Luân Giới	2006	2010	140,0	
	8	<b>THCS Luân Giới</b>					

Số thứ tự đơn vị hành chính và thửa đất	STT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Năm sử dụng thửa đất	Năm xây dựng kiến cơ	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
16	8.1	Trung chính	Bản Giỏi xã Luân Giới	2012	2012	20.540,0	
<b>TH. XÃ NA SON</b>							
17	9.1	Bàng Chộc	Bản Bàng Chộc xã Na Son	2005	2009	305,3	
18	9.2	Loong Chông	Bản Loong Chông xã Na Son	2003	2009	766,7	
10	10	MN Sư Lư					
19	10.1	Trung Phu	Bản Trung Phu xã Na Son	2005	2009	500,0	
20	10.2	Bản Bó	Bản Bó xã Na Son	2006	2009	382,8	
11	11	TH Na Phát					
21	11.1	Bàng chộc	Bản Bàng Chộc xã Na Son	1997	2009	660,0	
22	11.2	Pá chông	Bản Pá Chông xã Na Son	1997	2009	450,0	
23	11.3	Trung Phu	Bản Trung Phu xã Na Son	1997	2009	660,0	
24	11.4	Hồ Cờ	Bản Hồ Cờ, xã Na Son	2000	2009	504,0	
12	12	TH Sư Lư					
25	12.1	Bản Bó	Bản Bó xã Na Son	1997	2010	331,0	
26	12.2	Loong chông	Loong Chông xã Na Son	1997	2003	2.309,0	
13	13	THCS Na Son					
27	13.1	Trung chính	Bản Trung Tâm xã Na Son	2010	2010	6.320,9	
<b>V. MƯỜNG LUẬN</b>							
14	14	THCS Mường Luân					
28	14.1	Trung chính	Bản Trung Tâm xã Mường Luân	2007	2007	4.752,8	
<b>VII. CHIỀNG SƠ</b>							
15	15	MN Chiềng Sơ					
29	15.1	Trung chính	Trung tâm xã Chiềng Sơ	2007	2011	2.808,0	
16	16	TH Chiềng Sơ					
30	16.1	Trung chính	Bản Kéo xã Chiềng Sơ	2000	2003	1.003,0	
31	16.2	Bản Cang	Bản Cang xã Chiềng Sơ	2000	2009	1.196,0	
32	16.3	Nà Muông	Nà Muông xã Chiềng Sơ	2000	2009	1.008,0	
33	16.4	Hàng Tầu	Hàng Tầu xã Chiềng Sơ	2006	2009	580,0	
34	16.5	Thăm Châu	Thăm Châu xã Chiềng Sơ	2000	2009	460,0	
17	17	THCS Chiềng Sơ					



Số thứ tự đơn vị hành chính và thửa đất	STT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Năm sử dụng thửa đất	Năm xây dựng kiên cố	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
35	17.1	Trường chính	Bản Pá Nậm xã Chiềng Sơ	2010	2011	4.890,0	
<b>VIII. XA DUNG</b>							
	<b>18</b>	<b>MN Ban Mai</b>					
36	18.1	Trường chính	Bản Xa Dung A xã Xa Dung	2007	2007	354,0	
37	18.2	Nà Sán A	Bản Nà Sán A xã Xa Dung	2010	2010	1.000,0	
38	18.3	Thâm Mĩ A	Bản Thâm Mĩ A xã Xa Dung	2010	2010	350,0	
	<b>19</b>	<b>TH Mường Tinh</b>					
39	19.1	Mường Tinh A	Bản Mường Tinh A xã Xa Dung	2000	2008	2.000,0	
	<b>20</b>	<b>TH Quang Trung</b>					
40	20.1	Xa Dung A	Bản Xa Dung A xã Xa Dung	1996	2005	2.400,0	
41	20.2	Thâm Mỹ A	Bản Thâm Mỹ A xã Xa Dung	1996	1996	600,0	
42	20.3	Ca Tàu	Bản Ca Tàu xã Xa Dung	1996	2009	600,0	
<b>IX. KEO LÔM</b>							
	<b>21</b>	<b>MN Sao Mai</b>					
43	21.1	Trường chính	Bản Keo Lôm 2 xã Keo Lôm	2006	2010	1.368,8	
44	21.2	Keo Lôm 1,3	Bản Keo Lôm 1,3 xã Keo Lôm	2006	2010	504,3	
45	21.3	Chóp Ly	Bản Chóp Ly xã Keo Lôm	2006	2010	435,8	
46	21.4	Xam Măn 1,2	Bản Xam Măn xã Keo Lôm	2006	2010	346,0	
47	21.5	Trại Bò	Bản Trại Bò xã Keo Lôm	2006	2011	210,0	
48	21.6	Huổi Xa	Bản Huổi Xa xã Keo Lôm	2006	2010	873,8	
	<b>22</b>	<b>MN Keo Lôm</b>					
49	22.1	Trường chính	Bản Tia Ghênh A xã Keo Lôm	2006	2010	4.006,8	
50	22.2	Huổi Múa B	Bản Huổi Múa B xã Keo Lôm	2006	2010	459,7	
51	22.3	Tia Ghênh B	Bản Tia Ghênh B xã Keo Lôm	2006	2006	252,8	
52	22.4	Mù Xi Cơ	Bản Mùa Xi Cơ xã Keo Lôm	2006	2010	457,7	
53	22.5	Từ Xa	Bản Từ Xa xã Keo Lôm	2006	2010	1.041,2	
54	22.6	Trung Súa	Bản Trung Súa xã Keo Lôm	2006	2010	904,8	
55	22.7	Huổi Hoa	Bản Huổi Hoa xã Keo Lôm	2006	2010	1.100,0	
56	22.8	Háng Lia	Bản Háng Lia xã Keo Lôm	2006	2010	1.272,5	
	<b>23</b>	<b>TH Xam Măn</b>					
57	23.1	Keo Lôm 2	Bản Keo Lôm 2 xã Keo Lôm	2004	2010	831,0	

Số thứ tự đơn vị hành chính và thửa đất	STT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Năm sử dụng thửa đất	Năm xây dựng kiên cố	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
58	23.2	Trại Bò	Bản Trại Bò xã Keo Lôm	2008	2012	676,0	
	<b>24</b>	<b>TH Keo Lôm</b>					
59	24.1	Háng Lia	Háng Lia xã Keo Lôm	2004	2010	943,0	
<b>K. TIA DÌNH</b>							
	<b>25</b>	<b>MN Tia Đình</b>					
60	25.1	Trường chính	Bản Tia Đình A,B,C xã Tia Đình	2008	2011	2.000,0	
61	25.2	Chùa Ta	Bản Chùa Ta A,B xã Tia Đình	2008	2011	1.000,0	
62	25.3	Na Hay	Bản Na Hay A,B xã Tia Đình	2008	2011	400,0	
63	25.4	Háng Sua	Bản Háng Sua A,B xã Tia Đình	2008	2011	400,0	
	<b>26</b>	<b>TH Tia Đình</b>					
64	26.1	Chùa Ta	Bản Chùa Ta xã Tia Đình	2001	2010	650,0	
65	26.2	Púng Báng	Bản Púng Báng xã Tia Đình	2001	2010	500,0	
	<b>27</b>	<b>PT DTNT THCS Tia Đình</b>					
66	27.1	Trường chính	Bản Tia Đình C xã Tia Đình	2009	2010	12.700,0	
<b>L. PHÌNH GIÀNG</b>							
	<b>28</b>	<b>MN Phình Giàng</b>					
67	28.1	Trường chính	Bản Xa Vua C xã Phình Giàng	2007	2009	1.500,0	
68	28.2	Pa Cá	Bản Pa Cá xã Phình Giàng	2007	2008	176,0	
69	28.3	Phi Sua	Bản Phi Sua xã Phình Giàng	2007	2010	560,0	
70	28.4	Phá Khâu	Bản Phá Khâu xã Phình Giàng	2007	2010	648,0	
	<b>29</b>	<b>TH Phình Giàng</b>					
71	29.1	Trường chính	Bản Xa Vua C xã Phình Giàng	1989	2009	11.000,0	
72	29.2	Pa Cá	Bản Pa Cá xã Phình Giàng	2009	2009	1.800,0	
73	29.3	Phi Cao	Bản Phi Cao xã Phình Giàng	2009	2009	1.700,0	
74	29.4	Phi Sua	Bản Phi Sua xã Phình Giàng	1992	2009	1.500,0	
75	29.5	Phá Khâu	Bản Phá Khâu xã Phình Giàng	2008	2009	1.500,0	
	<b>30</b>	<b>THCS Phình Giàng</b>					
76	30.1	Trường chính	Bản Xa Vua C xã Phình Giàng	2008	2010	10.000,0	
<b>I. XÃ PÚ HỒNG</b>							
	<b>31</b>	<b>TH Pú Hồng</b>					
77	31.1	Tin Tóc A,B	Tin Tóc A,B xã Pú Hồng	2001	2001	250,0	

Số thứ tự đơn vị hành chính và thửa đất	STT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Năm sử dụng thửa đất	Năm xây dựng kiên cố	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
78	31.2	Tổng Số	Tổng Số xã Pú Hồng	2008	2008	365,0	
	<b>32</b>	<b>THCS Pú Hồng</b>					
79	32.1	Trường chính	Bản Phiêng Muông xã Pú Hồng	2012	2012	20.500,0	
<b>XIII. NOONG U</b>							
	<b>33</b>	<b>MN Noong U</b>					
80	33.1	Trung Tâm	Bản Tia Ló A xã Nong U	2007	2009	2.294,0	
81	33.2	Tia Mùng A	Bản Tia Mùng A xã Nong U	2007	2009	880,0	
82	33.3	Dur O	Bản Dur O xã Nong U	2007	2009	903,0	
83	33.4	Pá Ban	Bản Pá Ban xã Nong U	2007	2009	800,0	
84	33.5	Tà Té	Bản Tà Té xã Nong U	2007	2009	1.016,0	
	<b>34</b>	<b>THCS Noong U</b>					
85	34.1	Trường chính	Bản Tia Mùng B xã Nong U	2009	2009	5.850,0	
<b>XIV. TT ĐIỆN BIÊN ĐÔNG</b>							
	<b>35</b>	<b>MN Thị Trấn</b>					
86	35.1	Trường chính	Thị Trấn Điện Biên Đông	2000	2000	3.067,3	
87	35.2	Bản Na Sơn	Tổ dân cư 1-2 T. Trấn Điện Biên Đông	2000	2008	1.241,2	
	<b>36</b>	<b>THCS Thị Trấn</b>					
88	36.1	Trường chính	Thị Trấn Điện Biên Đông	2007	2007	12.000,0	

Tổng số: 14 xã; 88 thửa đất; 36 trường